

VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP CỦA HỘ NÔNG DÂN THAM GIA TẬP TRUNG VÀ TÍCH TỤ RUỘNG ĐẤT TẠI HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Lê Thị Long Vỹ*, Nguyễn Hữu Nhuận, Nguyễn Thị Huyền Trang

Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*Tác giả liên hệ: vyktl@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 25.09.2019

Ngày chấp nhận đăng: 18.10.2019

TÓM TẮT

Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số gợi ý chính sách về tạo việc làm và thu nhập của hộ nông dân tại huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thông qua điều tra 144 hộ (có 306 lao động) có tham gia tích tụ và tập trung ruộng đất (TT & TTRĐ) năm 2018. Số liệu điều tra được tổng hợp chủ yếu bằng phương pháp thống kê mô tả và phương pháp so sánh. Kết quả nghiên cứu cho thấy có gần 70% số hộ tham gia dồn điền đổi thửa (năm 2014); trên 35% số hộ giảm diện tích, gần 60% số hộ tăng diện tích và gần 5% số hộ giữ nguyên diện tích. Số lao động không có việc làm giảm đi đáng kể còn 3,92%, chủ yếu tập trung vào độ tuổi trên 50. Số lao động tham gia từ hai công việc trở lên tăng lên so với trước TT & TTRĐ. Lao động nữ có khả năng tìm việc làm dễ hơn, song thu nhập bình quân lại thấp hơn lao động nam ở tất cả các nhóm tuổi. Phần lớn các nhóm hộ gặp khó khăn khi thay đổi việc làm. Nghiên cứu đưa ra một số gợi ý như thu hút đầu tư, phát triển ngành nghề tạo việc làm cho lao động ngay tại quê hương.

Từ khóa: Tích tụ, tập trung ruộng đất, việc làm và thu nhập, hộ nông dân.

Employment and Income of Farm Households Involved in Farmland Consolidation and Accumulation in Quynh Phu District, Thai Binh Province

ABSTRACT

This paper presented the study results on the situation and the proposal of policy suggestions for employment creation and income of farm households in Quynh Phu district, Thai Binh province through the survey with 144 households (with 306 laborers) involved in land consolidation and accumulation in 2018. The surveyed data was processed and analyzed mainly by using descriptive statistics and comparative methods. The results indicated that there was nearly 70% of surveyed farm households consolidated land (in 2014); more than 35% of households has decreased land area, nearly 60% of households has increased their production areas and 5% of households has no change in production area. The number of unemployed laborers has significantly decreased to 3.92%, mainly in the age of over 50 years old. The rate of laborers having more than two jobs has also increased after land consolidation and accumulation. There has been an increase in laborers having two or more than two jobs in comparison with those before land consolidation and accumulation. The female laborers were more likely to find job easily than the male partners but their average income was lower in all age groups. The majority of surveyed households faced difficulties in changing jobs. The study provides some suggestions such as attracting investment and developing careers to create jobs for people in their localities.

Keywords: Land consolidation and accumulation, employment and income, farm households.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tích tụ ruộng đất là sự tăng quy mô ruộng đất của đơn vị sản xuất theo thời gian do khai hoang, thừa kế, mua, thuê, nhận cầm cố... để tiến hành sản xuất nông nghiệp; còn tập trung

ruộng đất có thể được hiểu là “gom” nhiều mảnh đất hiện có thành mảnh đất, khu đất, cánh đồng có quy mô lớn, liền vùng, liền thửa, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp dịch vụ, bằng con đường thuê mượn hoặc liên kết sản xuất, kinh doanh, góp vốn bằng quyền sử dụng

đất vào doanh nghiệp... Theo cách hiểu khác, tập trung ruộng đất là một sự điều chỉnh và sắp xếp lại các thửa ruộng để hình thành những vùng đất rộng lớn và hợp lý hơn (Phạm Dũng, 2017). Tích tụ và tập trung ruộng đất góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng phân công lại lao động trong nông nghiệp và hình thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa tập trung, cải thiện chất lượng và giảm tình trạng suy thoái đất đai do chế độ canh tác hợp lý (Chu Văn Cấp, 2017). Tuy nhiên, trên thực tế ở Việt Nam, TT & TTRĐ chưa thực sự gắn với phân công lại lao động trong nông nghiệp, nông thôn một cách chặt chẽ (Phạm Dũng, 2017). Theo lý thuyết của Athur Lewis¹, số lao động dư thừa chuyển từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp hiện đại do hệ thống tư bản nước ngoài đầu tư vào các nước lạc hậu đã chuyển bớt lao động ra khỏi lĩnh vực nông nghiệp, chỉ để lại lượng lao động đủ để tạo ra sản lượng cố định. Theo lý thuyết của Todaro² khi nghiên cứu việc làm bằng sự di chuyển lao động trên cơ sở thực hiện điều tiết thu nhập, tiền lương giữa các khu vực kinh tế khác nhau chỉ ra quá trình di chuyển lao động mang tính tự phát, phụ thuộc vào sự lựa chọn, quyết định của các cá nhân (Trần Thị Ái Đức, 2014).

Thái Bình là tỉnh được lựa chọn làm mô hình điểm cho cơ chế tích tụ đất đai, phục vụ thu hút đầu tư sản xuất nông nghiệp tập trung (Chính phủ, 2019). Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Quỳnh Phụ, năm 2018, toàn huyện có 14 xã có diện tích đất tích tụ với quy mô từ 2 ha trở lên, tổng diện tích đất tích tụ là 219,4 ha. Về hình thức sản xuất, có 24 mô hình trồng trọt; 15 mô hình chăn nuôi; 14 mô hình nuôi trồng thủy sản. Về chủ thể tích tụ, có 2 tập thể (doanh nghiệp, HTX...) thuê đất với diện tích 30 ha,... Có 73 cá nhân thuê, mượn đất với diện tích 192,4 ha. Về quy

mô tích tụ, có 11 mô hình tích tụ từ 05 ha trở lên. Còn lại là các mô hình tích tụ dưới 5 ha. Nhìn chung, việc TT & TTRĐ đã diễn ra trong một số năm gần đây, tuy nhiên diện tích đất tích tụ còn nhỏ lẻ; giá thuê đất không đồng nhất (từ 5-28 triệu/ha/năm), thời gian thuê cũng khác nhau (từ 5-30 năm), doanh nghiệp khó thuê được do diện tích đất nhỏ, đất thấp (chỉ phù hợp với nuôi trồng thủy sản và cây thủy canh), giao thông khó khăn, cầu cống không thuận tiện, ít có sự liên kết giữa người dân và doanh nghiệp trong sản xuất, bao tiêu sản phẩm cũng như chế biến, vì vậy chưa tạo được bước đột phá trong sản xuất. TT & TTRĐ cho sản xuất nông nghiệp tác động đến phát triển kinh tế của địa phương đồng thời có ảnh hưởng mật thiết đến sự thay đổi việc làm và thu nhập của người nông dân. Quá trình di chuyển lao động hiện nay ở Quỳnh Phụ còn mang tính tự phát, phụ thuộc vào sự lựa chọn của cá nhân người lao động. Nghiên cứu đặt ra mục tiêu làm rõ sự thay đổi về việc làm của lao động, trên cơ sở có sự điều tiết về thu nhập theo độ tuổi, giới tính, ngành nghề hoạt động với cả 3 nhóm hộ (tăng diện tích, giảm diện tích và không thay đổi diện tích) ở huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập thông tin

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp bao gồm các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, của địa phương và nghiên cứu, đánh giá của các nhà khoa học về TT & TTRĐ và vấn đề việc làm của hộ tham gia TT & TTRĐ cho sản xuất nông nghiệp. Nguồn tài liệu sơ cấp được thu thập thông qua điều tra phỏng vấn trực tiếp 150 hộ có tham gia TT & TTRĐ tại hai xã Quỳnh Hoa và Đồng Tiến. Sau khi kiểm tra, đối chiếu còn lại, 144 hộ đưa vào phân tích. Phương pháp thảo luận nhóm trọng tâm được thực hiện với các hộ tham gia TT & TTRĐ cho sản xuất nông nghiệp ở xã Quỳnh Hoàng và nhóm cán bộ địa phương tại huyện Quỳnh Phụ.

¹ Athur Lewis là nhà kinh tế học Jamaica, lý thuyết này ra đời vào những năm 50 của thế kỷ XX, được giải thưởng Nobel (1979)

² Lý thuyết của Todaro ra đời vào thập kỷ 60-70 của thế kỷ XX

2.2. Phân tích thông tin

Phương pháp thống kê được dùng để mô tả bức tranh tổng quan về tình hình TT & TTRĐ; sự thay đổi việc làm, thu nhập của lao động tại địa bàn nghiên cứu.

Bên cạnh đó, phương pháp phân tích so sánh được dùng để so sánh sự khác biệt trong thay đổi lao động, việc làm và thu nhập của 3 nhóm hộ (giảm, tăng và không thay đổi diện tích so với trước khi tham gia TT & TTRĐ).

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm chung của hộ nông dân tham gia tích tụ và tập trung ruộng đất

Quá trình điều tra 144 hộ cho thấy phần lớn lao động trẻ và lao động nữ đều đi làm nên đa số người được phỏng vấn là nam (chiếm 55,55%), ở độ tuổi bình quân khá cao (gần 53 tuổi). Lao

động bình quân hộ đạt 2,13 lao động (Bảng 1).

3.2. Thực trạng tích tụ, tập trung ruộng đất cho sản xuất nông nghiệp ở nhóm hộ điều tra

3.2.1. Các hình thức tích tụ đất

Kết quả điều tra 144 hộ có tham gia TT & TTRĐ cho thấy công tác dồn điền đổi thửa được thực hiện (năm 2014) với gần 70% số hộ điều tra tham gia. Có đến 86 hộ (gần 60% số hộ điều tra) dưới hình thức mua, thuê, đấu thầu thêm quyền sử dụng đất để tăng diện tích sản xuất nông nghiệp; 51 hộ (chiếm trên 35% số hộ điều tra) giảm diện tích đất nông nghiệp thông qua hình thức bán, cho thuê và cho mượn quyền sử dụng đất. Một số ít hộ điều tra có tham gia TT & TTRĐ (cho thuê, bán, đi thuê, đi mượn) nhưng diện tích sau TT & TTRĐ không thay đổi (gần 5% số hộ) (Bảng 2).

Bảng 1. Thông tin chung về các hộ điều tra

Diễn giải	ĐVT	Số lượng
1. Tổng số hộ phỏng vấn	Hộ	144
Nam	Người	80
Nữ	Người	64
2. Tuổi trung bình của người được phỏng vấn	Tuổi	50,82
3. Số nhân khẩu BQ/hộ	Người	3,24
4. Lao động BQ/hộ	Lao động	2,13
5. Diện tích đất nông nghiệp trước tích tụ	Sào/hộ	6,13

Bảng 2. Các hình thức tham gia tích tụ, tập trung ruộng đất của hộ

Diễn giải	Số lượng (lượt hộ) (n = 144)	Cơ cấu (%)
1. Số hộ tham gia dồn điền, đổi thửa	98	68,06
2. Số hộ giữ nguyên diện tích	7	4,86
3. Số hộ tăng diện tích	86	59,72
Mua đất	57	39,58
Thuê đất	2	1,39
Đấu thầu	28	19,44
4. Giảm diện tích	51	35,42
Bán đất	34	23,61
Cho thuê	21	14,58
Cho mượn	2	1,39

Với nhóm tăng diện tích, hình thức mua quyền sử dụng đất được thực hiện nhiều nhất để hộ yên tâm sử dụng đất lâu dài, tiếp đến là hình thức đấu thầu đất 5% song diện tích bị hạn chế. Bình quân một hộ mua quyền sử dụng đất có giao dịch với 2,58 hộ khác, trong đó chủ yếu là với các hộ có ruộng liền kề (chiếm 91,53%), tiếp theo đó là người cùng họ hàng (chiếm 37,29%).

Với nhóm giảm diện tích, hình thức bán quyền sử dụng đất được thực hiện nhiều nhất (23,61% tổng số hộ điều tra, tương ứng 66,67% số hộ thuộc nhóm giảm) song người dân thích hình thức cho thuê quyền sử dụng đất hơn vì khi gặp khó khăn trong sinh kế vẫn có thể lấy lại đất để sản xuất. Số còn lại chủ yếu cho các công ty thuê quyền sử dụng đất theo sự vận động của UBND xã.

3.2.2. Thay đổi về đất sản xuất nông nghiệp

Với nhóm giảm diện tích bình quân trên hộ (BQ/hộ) giảm 2,79 sào (giảm 42,3% so với trước TT & TTRĐ). Trong khi đó, nhóm tăng diện tích, BQ/hộ tăng 7,25 sào (tăng 121% so với trước TT & TTRĐ). Thực tế điều tra cũng cho thấy chủ yếu diện tích trong tích tụ đất là diện tích đất bãi. Trước TT & TTRĐ, bình quân một khẩu khoảng 50 m² đất bãi, diện tích mỗi mảnh nhỏ và chạy dài, khó chăm sóc, vì vậy, các hộ đã tập trung lại để cho thuê. Số mảnh đất BQ/hộ giảm xuống ở cả 3 nhóm hộ so với trước TT & TTRĐ (từ 2,57 đến 3,71 mảnh/hộ xuống còn 1,57 đến 2 mảnh/hộ).

Phương thức sản xuất sau TT & TTRĐ của nhóm giảm và giữ nguyên diện tích hầu như không có sự thay đổi, vẫn chủ yếu là độc canh cây lúa một số ít chuyển từ trồng ngô sang trồng

cà rốt, cây dược liệu. Đối với nhóm tăng diện tích, phương thức sản xuất có sự thay đổi khá rõ nét từ độc canh 2 vụ lúa là chủ yếu đã chuyển sang trồng 3 vụ với nhiều loại cây trồng khác nhau như hòe, đinh lăng và các loại cây ăn quả như bưởi, ổi, mít, chuối,...

3.3. Sự thay đổi về lao động và việc làm ở các nhóm hộ tham gia tích tụ và tập trung ruộng đất

3.3.1. Thực trạng lao động phân theo giới tính, độ tuổi và ngành nghề

- Số lượng lao động bình quân hộ phân theo giới tính và nhóm hộ điều tra

Kết quả điều tra cho thấy BQ/hộ có 2,13 lao động, cao nhất ở nhóm hộ giảm diện tích (2,25 lao động) trong đó lao động nữ nhiều hơn lao động nam. Nhóm hộ tăng diện tích lại có số lao động nam nhiều hơn lao động nữ. Nhóm hộ giữ nguyên diện tích có số lao động BQ/hộ thấp nhất (1,57 lao động) trong đó lao động nữ nhiều hơn lao động nam. Ở cả 3 nhóm hộ, số lao động nhiều nhất ở nhóm trên 50 tuổi và thấp nhất ở 30-40 tuổi, riêng nhóm giữ nguyên diện tích không có lao động ở nhóm 30-40 tuổi. Như vậy, hầu hết lao động của các hộ điều tra đều ở nhóm 40 tuổi trở lên.

- Thực trạng lao động sau tích tụ đất phân theo độ tuổi, giới tính và ngành nghề

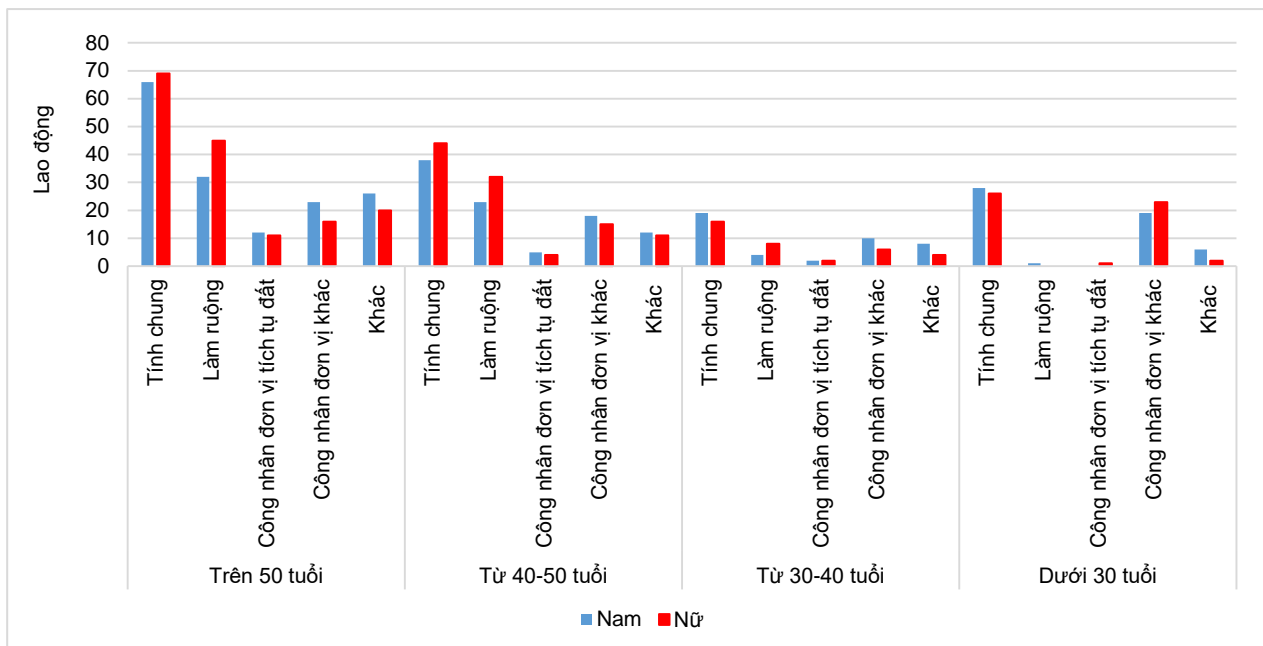
Làm ruộng có số lao động tập trung nhiều nhất ở nhóm từ 40 tuổi trở lên, tiếp theo là làm công nhân cho các đơn vị sản xuất gần địa bàn sinh sống (công ty may, công ty giày, công ty chế biến,...) do đặc thù công việc ổn định, thường xuyên, phù hợp với thu nhập cao hơn làm nông nghiệp.

Bảng 3. Thay đổi diện tích và số mảnh đất nông nghiệp của hộ

	Diện tích BQ/hộ (sào)		Số mảnh BQ/hộ (mảnh)	
	Trước tích tụ	Sau tích tụ	Trước tích tụ	Sau tích tụ
Giảm diện tích	6,59	3,80	3,47	1,57
Tăng diện tích	6,00	13,24	2,57	1,80
Giữ nguyên diện tích	4,53	4,53	3,71	2,00

Bảng 4. Số lượng lao động bình quân hộ phân theo nhóm, độ tuổi và giới tính
(ĐVT: Lao động/hộ)

Tuổi	Nam			Nữ		
	Nhóm giảm	Nhóm tăng	Nhóm giữ nguyên	Nhóm giảm	Nhóm tăng	Nhóm giữ nguyên
Trên 50 tuổi	0,49	0,43	0,57	0,67	0,37	0,43
Từ 40-50 tuổi	0,20	0,33	0,00	0,25	0,34	0,29
Từ 30-40 tuổi	0,16	0,12	0,14	0,08	0,14	0,00
Dưới 30 tuổi	0,22	0,20	0,00	0,20	0,17	0,14
BQ/hộ	1,06	1,07	0,71	1,20	1,02	0,86



Biểu đồ 1. Lao động của các nhóm hộ điều tra phân theo độ tuổi, giới tính và công việc

Ngược lại, lao động từ 40 tuổi trở xuống chủ yếu làm công nhân cho các đơn vị sản xuất gần địa bàn, số lượng lao động làm công nhân cho đơn vị TT & TTRĐ và làm nông nghiệp ít, ở độ tuổi trên 50 tuổi, số lao động làm công nhân cho các đơn vị TT & TTRĐ cao nhất do chủ yếu làm thời vụ cho các đơn vị TT & TTRĐ ngay tại địa bàn, vừa không phải đi xa mà ràng buộc lao động không quá khó khăn khi làm thời vụ.

Trong 306 lao động, có 151 lao động nam (chiếm 49,35%) và 155 lao động nữ (chiếm 50,65%). Ở độ tuổi trên 40, số lao động nữ cao hơn số lao động nam nhưng ở độ tuổi dưới 40, số lao động nam lại nhiều hơn lao động nữ. Ngoài làm ruộng và làm công nhân, số lao động nam tham gia nhiều vào các việc như làm phụ hồ,

làm thuê,... nhiều hơn so với lao động nữ do đặc thù công việc nặng nhọc, phải thường xuyên xa gia đình. Kết quả thảo luận nhóm cũng chỉ ra sự bất cập khi phần lớn lao động đi làm xa không có thời gian chăm sóc bố, mẹ, gia đình, con cái.

3.3.2. Thực trạng việc làm của lao động

- *Thực trạng việc làm của lao động phân theo nhóm và độ tuổi*

Trong 144 hộ điều tra có tổng số 306 lao động, trước TT & TTRĐ, số lao động chưa có việc làm chủ yếu là lao động dưới 30 tuổi (chiếm 7,84%) do nhiều lao động trẻ có tâm lý chờ để tìm việc làm ngoài nông nghiệp. Thời gian gần đây, nhiều nhà máy, công ty được xây dựng trên các địa bàn liền kề nên sau TT & TTRĐ, số lao

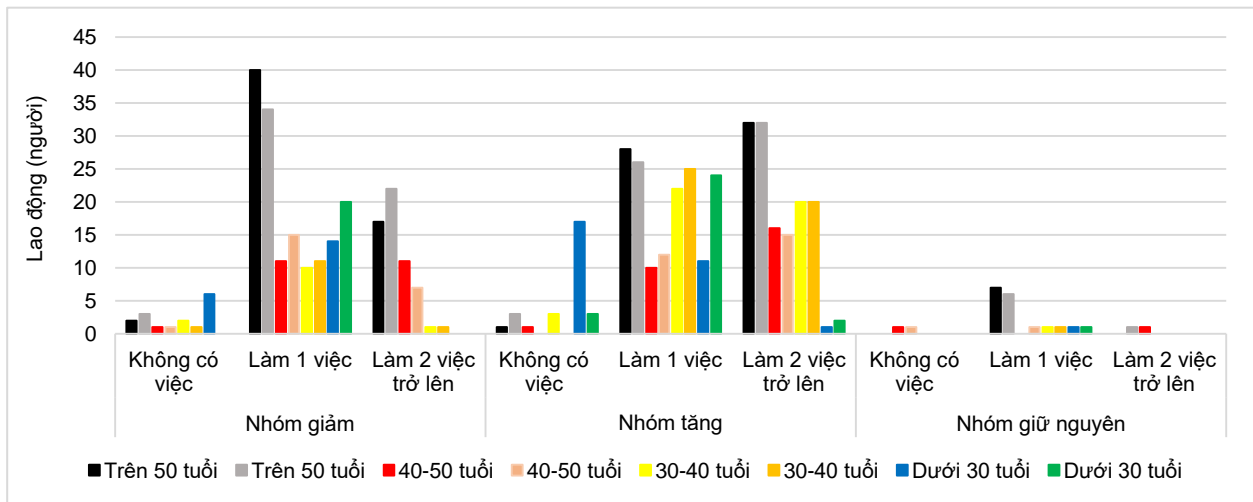
động không có việc làm giảm xuống còn 3,92%, trong đó, lao động không có việc làm ở độ tuổi dưới 30 tuổi giảm mạnh nhất (còn 3 lao động). Trái lại, ở nhóm tuổi trên 50, sau TT & TTRĐ, số lao động không có việc làm tăng lên (từ 3 lên 7 lao động) và cũng là nhóm tuổi có số lao động không có việc làm cao nhất.

Nhóm giảm diện tích sau TT & TTRĐ, đa số lao động chỉ làm một việc; Nhóm tăng diện tích sau TT & TTRĐ, số lao động làm từ 2 việc trở lên là cao nhất; Nhóm giữ nguyên diện tích có số lao động ít nhất song vẫn còn một lao động ở độ tuổi 40-50 tuổi không có việc làm. Kết quả thảo luận nhóm cũng cho thấy lao động không có việc làm chủ yếu trên 50 tuổi do ở độ tuổi cao, không đủ sức làm nông nghiệp vì đồng xa, diện tích nhỏ, khó chăm sóc nên lao động chủ yếu làm

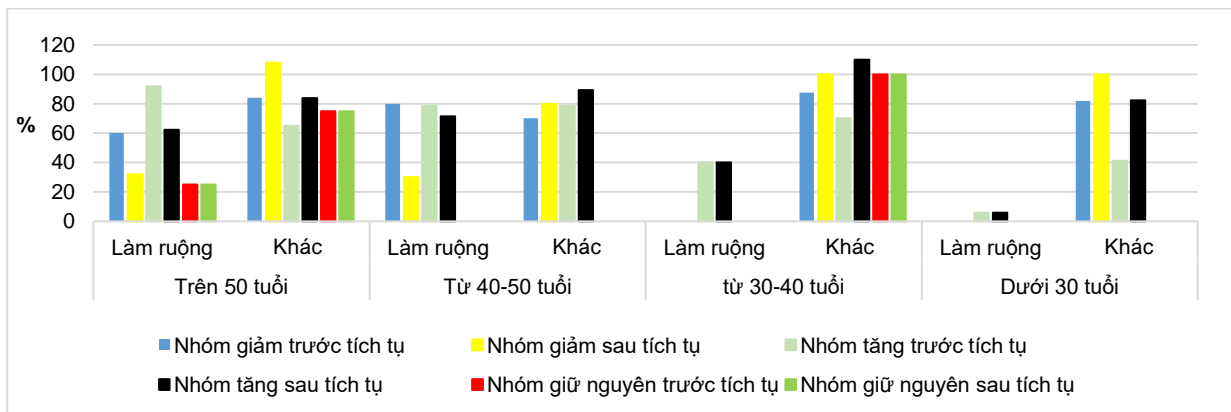
thời vụ hoặc ở nhà trông con, cháu cho con đi làm ở công ty, nhà máy.

- Sự thay đổi về cơ cấu lao động từ làm nông nghiệp sang các ngành nghề khác

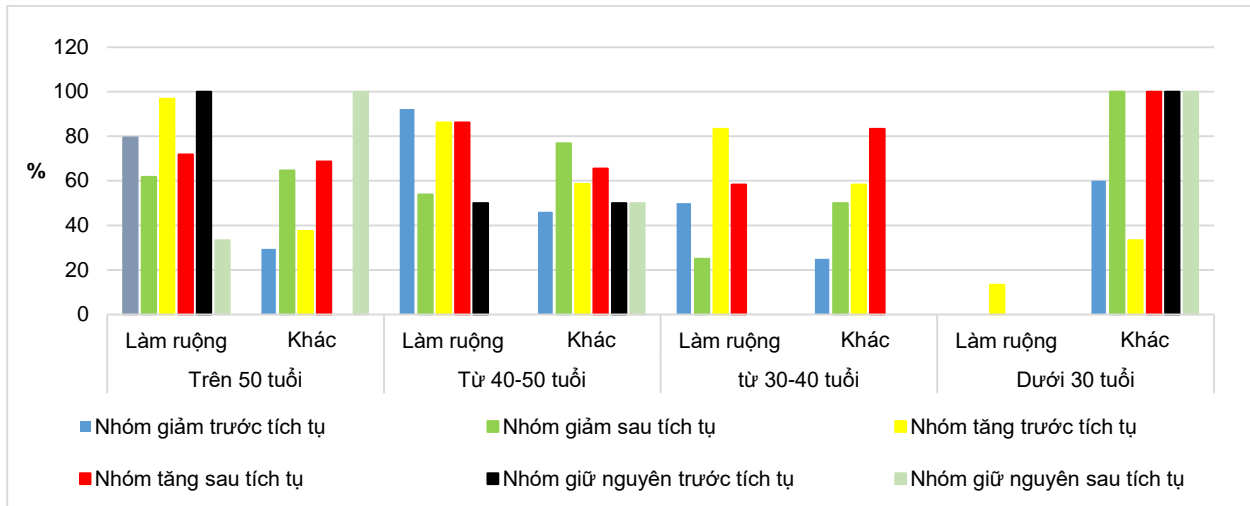
Cả lao động nam và nữ đều có xu hướng chuyển từ làm ruộng sang làm các công việc khác. Nhưng tỷ lệ nữ giới làm ruộng cao hơn tỷ lệ nam giới ở nhóm tuổi trên 40. Đối với lao động nam trên 40 tuổi, cơ cấu lao động làm ruộng có xu hướng chuyển sang làm các công việc khác, mạnh nhất là nhóm giảm diện tích sau TT & TTRĐ. Ở độ tuổi dưới 40, số lao động nam ít tham gia vào sản xuất nông nghiệp, riêng nhóm tăng diện tích đất sau TT & TTRĐ có lao động nam tham gia sản xuất nông nghiệp và có xu hướng không thay đổi về cơ cấu lao động làm ruộng giữa trước và sau TT & TTRĐ.



Biểu đồ 2. Thực trạng lao động và việc làm tại các hộ điều tra



Biểu đồ 3. Thay đổi cơ cấu việc làm của lao động nam



Biểu đồ 4. Thay đổi cơ cấu việc làm của lao động nữ

Bảng 5. Thu nhập của lao động ở các hộ điều tra phân theo độ tuổi, giới tính và việc làm
(ĐVT: Nghìn đồng/lao động/năm)

Việc làm	Tuổi theo giới tính	Nam				Nữ			
		Trên 50 tuổi	40-50 tuổi	30-40 tuổi	Dưới 30 tuổi	Trên 50 tuổi	40-50 tuổi	30-40 tuổi	Dưới 30 tuổi
Làm ruộng		30.743	48.906	38.200	32.880	22.805	50.474	44.150	0
Công nhân cho đơn vị tích tụ đất		19.417	21.100	38.500	0	25.364	30.000	36.250	30.000
Công nhân đơn vị khác		55.696	64.000	80.600	82.053	23.313	45.400	42.000	57.478
Khác (buôn, bán, làm thuê,...)		32.221	129.617	109.469	57.060	32.569	63.501	161.938	166.750
BQ/lao động		50.538	103.625	100.608	69.080	33.762	70.788	82.841	64.827

Đối với lao động nữ trên 50 tuổi ở nhóm giữ nguyên diện tích, trước TT & TTRĐ 100% lao động làm nông nghiệp nhưng sau TT & TTRĐ có gần 40% số lao động vừa làm nông nghiệp, vừa làm các ngành nghề khác để tăng thu nhập như làm thuê thời vụ cho các đơn vị tích tụ đất, làm giúp việc vào lúc nông nhàn,... Ở độ tuổi dưới 30, hầu hết nữ giới đều đi làm công nhân, kinh doanh, buôn bán dịch vụ, bán hàng thuê và ít tham gia làm ruộng.

3.3.3. Thực trạng thu nhập của lao động ở các hộ điều tra

- *Thực trạng thu nhập của lao động phân theo độ tuổi và giới tính sau tích tụ và tập trung ruộng đất*

Phân tích thu nhập tính bình quân cho một lao động trong năm theo độ tuổi cho thấy thu nhập của lao động trong độ tuổi từ 30-50 tuổi là

cao nhất (từ 70-100 trđ/lao động/năm), tập trung vào công việc làm thuê, phu hồ,... và làm công nhân cho đơn vị sản xuất ngoài nông nghiệp; nhóm trên 50 tuổi có thu nhập thấp nhất (bình quân một lao động chỉ có thu nhập từ 33-50 trđ/lao động/năm). So sánh thu nhập của nam và nữ cho thấy lao động nam có thu nhập bình quân cao hơn so với nữ ở cả 4 nhóm tuổi, song khi xem xét trên từng lĩnh vực làm việc thì thấy lao động nữ có thu nhập bình quân/lao động cao hơn nam khi hoạt động buôn bán, kinh doanh ở độ tuổi dưới 40 tuổi. Đặc biệt không có nữ giới dưới 30 tuổi làm ruộng sau TT & TTRĐ.

Thu nhập từ làm công nhân cho các đơn vị tích tụ đất thấp hơn so với làm công nhân cho các đơn vị khác nên đây chính là nguyên nhân các đơn vị tích tụ đất khó thu hút được lao động trẻ và chỉ thu hút được những lao động có nhu cầu làm gần gia đình và lao động lớn tuổi làm thời vụ.

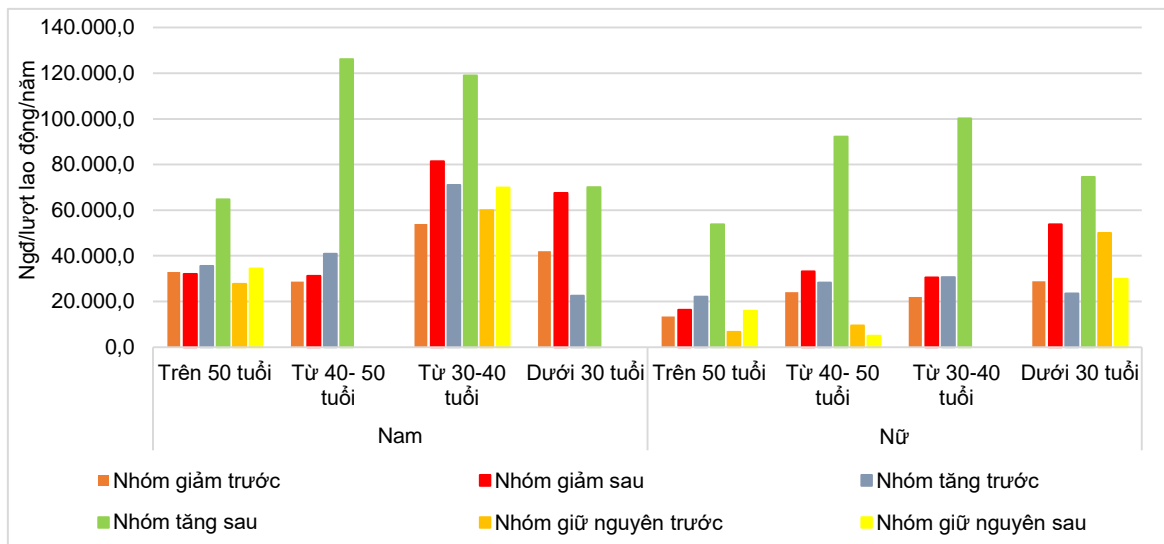
- Thay đổi về thu nhập của lao động so với trước tích tụ và tập trung ruộng đất theo nhóm hộ

Thu nhập bình quân cho một lượt lao động trong năm đều cho thấy thu nhập của lao động sau TT & TTRĐ đều tăng cao hơn so với trước TT & TTRĐ ở cả lao động nam và lao động nữ. Lao động nam có thu nhập cao hơn hẳn so với lao động nữ, thu nhập bình quân một lao động nam cao nhất ở độ tuổi 30-40 tuổi. Nhóm tăng diện tích sau TT & TTRĐ có thu nhập cao hơn hẳn so với 2 nhóm còn lại (đạt trên 120 trđ/lao động/năm). Kết quả điều tra cũng cho kết quả tương tự ở nữ giới (cao nhất ở độ tuổi 30-40 tuổi,

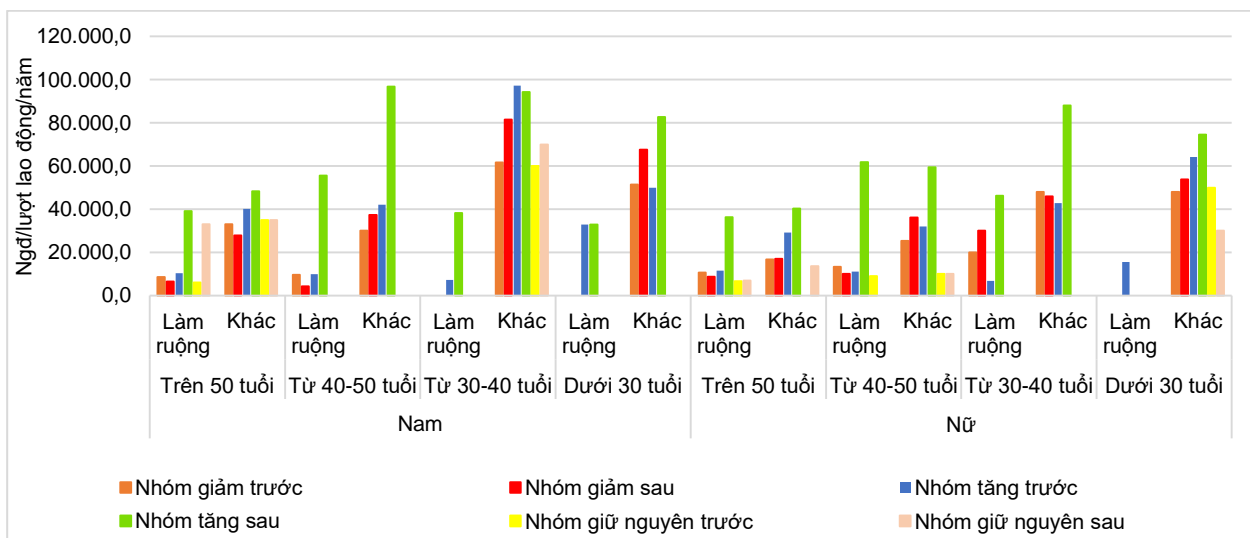
đạt gần 100 trđ/lao động/năm với nhóm tăng diện tích), lao động nữ trên 40 tuổi có thu nhập là thấp nhất (đạt dưới 10 trđ/lao động/năm với nhóm giữ nguyên diện tích).

- Thay đổi về thu nhập của lao động so với trước tích tụ và tập trung ruộng đất theo nhóm hộ và ngành nghề

Kết quả phân tích cũng cho thấy làm ruộng cho thu nhập thấp hơn ở tất cả các nhóm tuổi đối với cả nữ và nam và có xu hướng giảm so với trước TT & TTRĐ ở hai nhóm giảm và giữ nguyên diện tích và có xu hướng tăng mạnh ở nhóm tăng diện tích, đặc biệt với lao động nữ.



Biểu đồ 5 . Thay đổi về thu nhập bình quân của lao động



Biểu đồ 6. Thay đổi về thu nhập bình quân lao động theo giới tính và độ tuổi

3.4. Đánh giá của hộ nông dân về tích tụ và tập trung ruộng đất đến việc làm lao động trong hộ

Có 96,74% trong số 92 hộ có câu trả lời ủng hộ TT & TTRĐ, còn lại một số ít (3,26% số hộ) không ủng hộ việc TT & TTRĐ và đều thuộc nhóm hộ tăng diện tích đất với lí do việc TT & TTRĐ cho sản xuất nông nghiệp theo quy mô hộ còn gặp nhiều khó khăn trong trao đổi, giao dịch với các hộ có đất cho thuê, cùng với đó diện tích của nhóm hộ này tăng lên chỉ đạt bình quân 13,32 sào/hộ (hộ cao nhất là 46 sào). Các hộ chưa đủ tiêu chuẩn để phát triển thành kinh tế trang trại và không được hưởng các chính sách hỗ trợ của địa phương, sản phẩm chưa có thị trường ổn định, tiềm ẩn nhiều rủi ro từ sản xuất nông nghiệp.

Trên 40% số hộ điều tra cho rằng việc thay đổi việc làm sau TT & TTRĐ là khó khăn, trong đó cao nhất là nhóm tăng diện tích sau TT & TTRĐ.

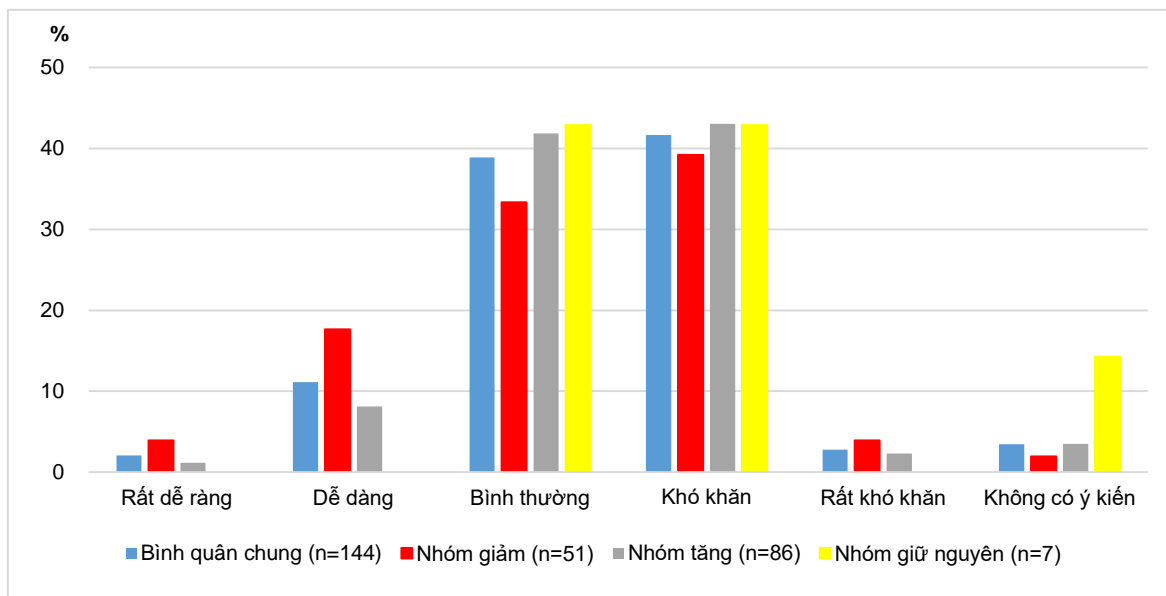
Kết quả thảo luận nhóm cũng chỉ ra tuy mức lương từ làm công nhân cao hơn làm nông nghiệp, được kí hợp đồng lao động (thường là 5 năm có gia hạn), song công việc cũng đòi hỏi người lao động phải tuân thủ đúng giờ giấc, nội quy của đơn vị. Nhiều lao động phải ra khỏi nhà từ 5 h sáng đến 18-19 h tối mới trở về nên rất ít

thời gian dành cho các công việc trong gia đình, chăm sóc con cái hay tham gia công việc chung của làng xóm và họ hàng. Cuộc sống vùng nông thôn cũng có những thay đổi nhất định, quan hệ họ hàng làng xóm không còn được thân thiết như trước do phần nhiều lao động đi làm xa hoặc làm tại các công ty nên rất khó để tập trung mọi người vào các công việc chung của làng xóm và gia đình,...

Nhìn chung, người lao động tham gia nhiều công việc khác nhau và đều có thu nhập trên ngày công cao hơn làm nông nghiệp nên có tâm lý không muốn làm nông nghiệp.

3.5. Gợi ý một số giải pháp và chính sách

Với các nhóm tăng diện tích: phần lớn các hộ điều tra đều ủng hộ việc TT & TTRĐ cho sản xuất nông nghiệp, song cần thiết phải rà soát lại các chính sách, chủ trương trong công tác hỗ trợ cho nhóm hộ này bằng nhiều mức hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp khác nhau theo từng mức hạn điền để khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hộ từng bước mở rộng diện tích TT & TTRĐ đảm bảo cho hộ phát triển thành kinh tế trang trại bền vững. Với lao động của nhóm hộ này, cần chú trọng tạo việc làm thông qua đào tạo, tập huấn sản xuất, phát triển kinh tế hộ.



Biểu đồ 7. Đánh giá của hộ về khả năng thay đổi việc làm của lao động

Với nhóm hộ giảm và giữ nguyên diện tích: Chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang các ngành nghề khác đang diễn ra ngày càng nhiều dẫn đến sản xuất nông nghiệp ngày càng khó khăn trong thu hút lao động khi người lao động không còn mặn mà với đất đai. Cần thiết thu hút các doanh nghiệp với nhiều lĩnh vực đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn, tạo công ăn việc làm cho người nông dân. Có chính sách đào tạo nghề cho nông dân khi chuyển sang ngành nghề khác chưa đáp ứng được nhu cầu để người nông dân yên tâm cho thuê mượn đất lâu dài. Cần chú trọng phát triển ngành nghề ngay tại vùng quê để giữ vững những truyền thống của làng xóm nông thôn Việt Nam, đảm bảo cho người lao động có công ăn, việc làm ngay tại quê hương, vừa ổn định thu nhập, ổn định cuộc sống gia đình, dòng họ và làng xóm,...

Sau TT & TTRĐ, lao động nữ có điều kiện tìm kiếm việc làm dễ hơn nam do các đơn vị tích tụ đất vẫn thuê lao động nữ làm thời vụ ngay cả khi 50 đến 65 tuổi, song thu nhập của nữ nhìn chung thấp hơn nam nên cần thiết phải quan tâm đến các chính sách tiền công lao động cho nữ nhằm đảm bảo cân đối về thu nhập giữa nam và nữ.

4. KẾT LUẬN

Mặc dù huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã có chủ trương TT & TTRĐ (năm 2014), song do chân đất thấp, diện tích nhỏ lẻ, chạy dài, điều kiện giao thông nội đồng khó khăn nên chưa thực sự thu hút được các công ty, doanh nghiệp lớn đầu tư vào nông nghiệp, nên việc TT & TTRĐ chủ yếu ở quy mô hộ. Chính sách này đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ của phần lớn người dân tham gia.

Chính sách TT & TTRĐ diễn ra trên diện rộng (cả tỉnh) đã làm thay đổi cục diện về việc làm của lao động nông thôn. Sự chuyển dịch lao động từ làm nông nghiệp sang phi nông nghiệp ngày càng nhanh. Với nhóm giảm và giữ nguyên diện tích, thu nhập của lao động ngoài nông nghiệp tăng mạnh hơn so với làm nông nghiệp nên người lao động không còn mặn mà với đất. Với nhóm có diện tích tăng song chưa đủ điều kiện để phát triển thành kinh tế trang trại,

chưa có được những hỗ trợ cần thiết để phát triển sản xuất, ổn định đầu ra, đây cũng là lí do một bộ phận nhỏ số hộ chưa ủng hộ việc TT & TTRĐ. Số lao động làm nông nghiệp của nhóm tăng diện tích cơ bản vẫn duy trì ổn định so với trước TT & TTRĐ song thu nhập của lao động từ nông nghiệp tăng lên đáng kể.

Lao động thất nghiệp chiếm tỷ lệ nhỏ (3,92%), chủ yếu tập trung vào lao động trên 50 tuổi. Lao động nữ có khả năng tìm việc làm dễ hơn, song thu nhập bình quân lại thấp hơn lao động nam ở tất cả các nhóm tuổi. Phần lớn các nhóm hộ gặp khó khăn trong thay đổi việc làm vì vậy, cần thiết phải có các nghiên cứu chính sách đào tạo, tập huấn cho lao động để thích ứng với sự thay đổi việc làm, cũng như chính sách tạo việc làm ngay trên mảnh đất quê hương của người lao động nhằm hạn chế sự di chuyển lao động và giữ vững nét sinh hoạt truyền thống cho vùng nông thôn Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chu Văn Cấp (2017). Những tác động của quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất và một số giải pháp, Tạp chí Công sản. Truy cập tại <http://www.tapchi-congsan.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=47173&print=true>, ngày 29/7/2019.
- Chính phủ (2019). Công văn số 720/VPCP-QHĐP ngày 24 tháng 1 năm 2019 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xử lí kiến nghị của các địa phương. Truy cập tại <https://thuvienphapluat.vn/cong-van/bo-may-hanh-chinh/Cong-van-720-VPCP-QH-DP-2019-giao-Bo-Tai-nguyen-xu-ly-kien-ngghi-dia-phuong-406072.aspx>, ngày 29/7/2019.
- Phạm Dũng (2017). Tích tụ, tập trung ruộng đất ở Việt Nam trong điều kiện mới: Những vấn đề lý luận và thực tiễn. Truy cập tại <http://www.tapchi-congsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2017/48275/tich-tu-tap-trung-ruong-dat-o-Viet-Nam-trong-dieu-kien.aspx>, ngày 29/7/2019.
- Trần Thị Ái Đức (2014). Tìm hiểu một số lý thuyết hiện đại về tạo việc làm. Truy cập tại <http://poi.htu.edu.vn/tin-tuc-su-kien/tim-hieu-mot-so-ly-thuyet-hien-dai-ve-tao-viec-lam.html>, ngày 4/4/2019.
- UBND huyện Quỳnh Phụ (2018). Tham luận về công tác tích tụ ruộng đất tại kì họp HĐND huyện, kì họp thứ 7, khóa 19 nhiệm kì 2016-2021 tại Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình năm 12/2018.